

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2018

*“Về Yêu cầu hủy hôn nhân trái
pháp luật”*

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần giải Q việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Thúy Hà – Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên –
Kiểm sát viên, tham gia phiên họp

Ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 88/2018/HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về “ *Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật* ”. Theo quyết định mở phiên họp số 48/2018/QĐMPH-HNGĐ ngày 21/11/2018 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu:* Ông Nguyễn Đức T, sinh ngày 21/6/1969. Quốc tịch: Việt Nam & quốc tịch Đức. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Untere Gasse 23, 71032 Boblingen, Cộng hòa Liên bang Đức (Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Q, Sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 148 Bùi Thị Xuân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, (Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2018 - có mặt).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Vũ Thị H, sinh ngày 10/9/1985.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Đội 4, M, xã H, huyện G, Hải Dương (có mặt).

- UBND phường B, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Th- Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị M- Phó Chủ tịch (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và các tài liệu chứng cứ do người yêu cầu ông Nguyễn Đức T và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trọng Q cung cấp thì : Năm 1988, ông Nguyễn Đức T xuất cảnh sang Đức, năm 1992 được nhập quốc tịch Đức. Thời điểm đó do pháp luật chưa cho phép một người có hai quốc tịch nên ông đã thôi quốc tịch Việt Nam ; đến năm 2013 thì ông nhập lại quốc tịch Việt Nam, nên ông có hai quốc tịch (quốc tịch Đức và quốc tịch Việt Nam). Trên cơ sở tự nguyện, ông và bà Phó Thị A, sinh ngày 15/02/1969 đã đăng ký kết hôn tại Văn phòng đăng ký Boblingen, Cộng hòa liên bang Đức. Quan hệ hôn nhân giữa ông và bà A vẫn tồn tại từ đó cho đến nay, hai bên chưa từng ly hôn và kết hôn lại. Năm 2013, ông về Việt Nam thăm gia đình, tình cờ gặp bà Vũ Thị H, hai bên đã nảy sinh tình cảm và chung sống với nhau có hai con chung. Do bà H nói để con chung có khai sinh và được hưởng các quyền như những đứa trẻ khác thì bố mẹ phải có đăng ký kết hôn. Nên, bà H đã làm các thủ tục pháp lý và ngày 15/5/2013, ông bà đến UBND phường B đăng ký kết hôn. Gần đây hai bên phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, khi tìm hiểu được biết pháp luật Việt Nam bảo vệ những đứa trẻ khai sinh ngoài giá thú. Mặt khác pháp luật Việt Nam và pháp luật của Cộng hòa liên bang Đức chỉ thừa nhận chế độ một vợ một chồng. Nên việc UBND phường B đăng ký cho ông và bà H là trái pháp luật, đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà H.

Về quan hệ con chung : Ông bà có hai con chung là Nguyễn Thảo C, sinh ngày 12/3/2014 và Nguyễn Phương C, sinh ngày 26/01/2018. Khi Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật, ông tôn trọng nguyện vọng của bà H, và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung : Hai bên không có, không đề nghị giải quyết.

- Theo bản tự khai và các tài liệu chứng cứ do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H, thì : Bà và ông T tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B ngày 15/5/2013. Trước khi kết hôn bà biết ông T có vợ con bên Đức nhưng đã ly hôn. Khi làm thủ tục kết hôn, ông T đã xin xác nhận tình trạng hôn nhân tại xã H, huyện T. Sau đó hai bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và chung sống tại khu 16 (nay là khu 4) phường B, thành phố H rồi vào Thành phố Đ sinh sống, kinh doanh khách sạn. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, khi việc bại lộ ông T đã viết « Giấy cam kết niềm tin ». Khi sinh con thứ hai, mẹ con bà ra ngoài bắc chơi với ông bà ngoại thì ông T vào huyện M, tỉnh T sống với người phụ nữ khác. Bà đã vào tận nơi, hai bên xảy ra xô xát và ông T đã viết « Giấy cam đoan » ngày 28/3/2018 với

nội dung cho bà khách sạn tại Đ, cho nhiều tiền bên Đức, và hàng tháng gửi cho các con 20.000.000đ. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông T không gửi tiền và cũng không liên lạc. Nay ông T đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật với bà, bà chỉ đồng ý khi ông T cấp dưỡng tiền nuôi con một lần là 5 tỷ đồng.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung như ông T khai là đúng. Cả hai con chung đang ở với bà và bà có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung một lần là 5 tỷ đồng.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, toàn bộ tài sản đứng tên ông T, bà có góp 300.000.000đ (là tiền của chồng trước cho con riêng của bà) để mua khách sạn và số tiền lãi kinh doanh khách sạn. Do không có căn cứ chứng minh nên bà không yêu cầu giải quyết.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường B, do bà Lê Thị M- Phó chủ tịch UBND phường B là đại diện theo ủy quyền và ông Đào Duy Ng cán bộ tư pháp có quan điểm* : Ông Ng là người trực tiếp làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông Nguyễn Đức T và bà Vũ Thị H khi dựa trên hồ sơ có đầy đủ theo quy định của pháp luật, gồm : Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của ông T có xác nhận của UBND xã H, huyện T và xác nhận của bà H, tờ khai đăng ký kết hôn nên UBND phường đã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nay ông T yêu cầu hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật, đề nghị Tòa án xác minh tại UBND xã P để làm rõ nội dung. Do công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Xác minh tại UBND xã H, huyện T thể hiện: Ông T là người thôn N, xã H, huyện T và đang làm việc tại Đức, thỉnh thoảng về thăm gia đình và chỉ có một mình. Không biết ông T có quốc tịch Đức. Tài liệu lưu giữ tại địa phương không thể hiện ông T đã từng có đăng kí kết hôn với ai. Nên đã xác nhận ông T chưa kết hôn lần nào. Người đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân cho ông T là ông Nguyễn Đức Th (bố ông T, đã chết).

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông T đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H là 3.000.000đ/cháu/tháng và thực hiện mỗi năm một lần đến khi các con tròn 18 tuổi. Bà H đồng ý với mức cấp dưỡng 3.000.000đ/cháu/tháng, nhưng phải thực hiện cấp dưỡng một lần.

Tại phiên họp, Người yêu cầu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ; giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/ cháu/ tháng và thực hiện một năm một lần, thời gian chuyển tiền từ ngày 15 đến 31 tháng 12 hàng năm chuyển vào tài khoản của bà H. Đồng ý trợ cấp khó khăn cho bà H một lần mức 50.000.000đ. Bà H trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung như khoản trợ cấp phía ông Q đại diện theo ủy quyền của ông T nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải

Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Phân tích đánh giá các căn cứ liên quan đến giải quyết vụ việc. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông T bà H; giao hai con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà H về mức cấp dưỡng nuôi chung là 3.000.000đ/cháu/tháng và trợ cấp một lần cho bà H 50.000.000đ, nghĩa vụ chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của Viện kiểm sát, các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Đức T hiện đang sinh sống và làm việc tại Untere Gasse 23, 71032 Boblingen Cộng hòa Liên bang Đức có đơn yêu cầu nghị hủy kết hôn trái pháp luật với bà Vũ Thị H sinh sống tại Việt Nam. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt có xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Đức và đã ủy quyền hợp lệ cho Luật sư Nguyễn Trọng Q; bà Lê Thị M - Phó Chủ tịch UBND phường B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Đức T và bà Phó Thị A đăng ký kết hôn tại phòng Hộ tịch Boblingen ngày 13/9/1991 số vào sổ 178/1991 và chưa ly hôn; tài liệu có xác nhận của Tổng Lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam tại Frankfurt/Main-CHLB Đức. Theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình (viết tắt là: HNGĐ) Việt Nam thì ông T và bà A là hôn nhân hợp pháp và đang tồn tại. Hiện tại ông T có hai quốc tịch (Đức và Việt Nam) và đang sinh sống tại Đức. Thời gian ông T về nước chỉ là thăm gia đình tại xã H huyện T, tỉnh Hải Dương. Khi ông T đề nghị xin “Xác nhận tình trạng hôn nhân”, UBND xã H đã xác nhận “ông Nguyễn Đức T... Từ 21/6/1969 đến 03/5/2013 chưa đăng ký kết hôn lần nào” để ông T sử dụng làm căn cứ đăng ký kết hôn với bà H ngày 15/5/2013 tại UBND phường B (nay là phường B) thành phố Hải Dương. Việc UBND xã H xác nhận tình trạng hôn nhân đối với ông T như vậy là không thực hiện đúng quy định tại Điều 66, 67 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về Thẩm quyền và thủ tục cấp “Giấy xác nhận tình

trạng hôn nhân”. Đó là nguyên nhân dẫn tới việc UBND phường B thực hiện đăng ký kết hôn cho ông T bà H vi phạm Luật Hôn nhân và Gia Đình. Như vậy, ông T bà H đến với nhau là tự nguyện. Nhưng bằng các chứng cứ như đã phân tích nêu trên thì việc hai người làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 15/5/2013 tại UBND tại phường B, thành phố H tỉnh Hải Dương là vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam. Nên chấp nhận yêu cầu của ông T, hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông T và H được theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Hôn nhân giữa ông T bà H là trái pháp luật cần phải hủy, nhưng quan hệ con chung giữa hai người được áp dụng giải quyết theo thủ tục chung. Cụ thể, ông bà có hai con chung là Nguyễn Thảo C, sinh ngày 12/3/2014 và Nguyễn Phương C, sinh ngày 26/01/2018. Hiện các cháu còn nhỏ, đang được bà H chăm sóc nuôi dưỡng, bà H có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Nên tiếp tục giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên họp các bên thống nhất mức cấp dưỡng 3.000.000đ/cháu/tháng; thực hiện mỗi năm một lần từ ngày 15 đến 30 tháng 12 của năm, ông T chuyển tiền vào tài khoản số 2309205238030 mang tên bà Vũ Thị H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B, tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, ông T phải trợ cấp cho bà H một lần mức 50.000.000đ.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[4]. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của người yêu cầu phải chịu toàn bộ án phí yêu cầu tuyên hủy kết hôn trái pháp luật và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định;

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 5; Điều 8, Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; Điều 147, Điều 369 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân & Gia đình; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T;

1. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Đức T và bà Vũ Thị H được UBND phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn ngày 15/5/2013 theo số 43/2013, quyển số 1/2013.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thảo C, sinh ngày 12/3/2014 và cháu Nguyễn Phương C, sinh ngày 26/01/2018 cho bà H nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà H mức 3.000.000 đồng mỗi cháu mỗi tháng tính từ tháng 12/2018 đến khi tròn 18 tuổi (mỗi năm cấp dưỡng cho hai cháu bằng 3.000.000đ/tháng x 2 cháu x 12 tháng = 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng chẵn*)). Ông T phải trợ cấp cho bà H một lần bằng 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*). Số tiền cấp dưỡng nuôi con và tiền trợ cấp ông T có nghĩa vụ chuyển vào tài khoản số 2309205238030 mang tên Vũ Thị H, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B, tỉnh Hải Dương; thời gian chuyển tiền từ ngày 15 đến 31 tháng 12 hàng năm.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001551 ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Ông T còn phải nộp 300.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Báo đương sự có mặt biết quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án. UBND phường Tân Bình vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định pháp luật ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường B
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường